PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ QUỐC GIA TRONG SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP XUẤT KHẨU CỦA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ths. Trương Thanh Vũ[a] và Th.s Nguyễn Như Triển[b]

Thành phố Hồ Chí Minh (Tp.HCM) là trung tâm kinh tế, dịch vụ, công nghiệp, xuất khẩu lớn ở phía Nam và của cả nước. Tp.HCM hiện chiếm khoảng 20% tổng GDP, 30% GDP ngành dịch vụ, 25% giá trị sản xuất công nghiệp, 35% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn đạt gần 30 tỷ USD năm 2012 (năm 2007 là 17,5 tỷ USD, trong đó giá trị xuất khẩu hàng hóa sản xuất trên địa bàn là 7,5 tỷ USD và xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chiếm 75% kim ngạch[c]). Các mặt hàng công nghiệp xuất khẩu chủ yếu như dệt may, giày dép, chế biến lương thực, chế biến thủy sản, máy móc thiết bị (trừ thiết bị điện). Bài viết này sẽ mô tả thực trạng phát triển các ngành công nghiệp xuất khẩu của Tp.HCM; phân tích tác động của xuất khẩu đến phát triển kinh tế thông qua việc đo lường lợi ích quốc gia (giá trị gia tăng trong nước hay "giá trị quốc gia" – domestic value added) nhận được khi Tp.HCM đẩy mạnh xuất khẩu các ngành công nghiệp chủ lực, từ đó đề xuất định hướng xuất khẩu và các giải pháp hỗ trợ phát triển ngành công nghiệp của Tp.HCM.

Sử dụng bảng Input-Output (bảng IO, loại nhập khẩu phi cạnh trạnh) năm 2007[d] của Tp. HCM, bài viết sẽ phân tích tác động của xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến lên giá trị gia tăng VA và nhập khẩu M của toàn bộ nền kinh tế. Một phân tích quan trọng là: mỗi 100 đồng tăng thêm từ xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến thì toàn bộ nền kinh tế của Tp.HCM nhận được bao nhiêu đồng *giá trị gia tăng* và Tp.HCM phải chi trả bao nhiêu đồng cho chi phí cho *nhập khẩu* các yếu tố đầu vào (chi phí trung gian) từ nước ngoài.

1. Lý thuyết phân tích tác động bằng mô hình IO

Bảng 1: Bảng Input-Output loại nhập khẩu phi cạnh tranh

		Sử dụng trung gian		Sử dụng cuối cùng					Tổng sản lượng (Total output)
		Các ngành sản xuất 1,2,…, n	Tổng	Tiêu dùng	Tích lũy	Xuất khẩu	Khác	Tổng	
Yếu tố đầu vào trong nước	1 ⋮ n	X_{ij}^{D}		F^{DC}	F^{DI}	F^{DE}		F^{D}	X
Yếu tố đầu vào nhập khẩu từ nước ngoài	1 ⋮ n	X_{ij}^{M}		F^{MC}	F^{MI}			F^{M}	M Tổng nhập khẩu (M)
Tổng yếu tố đầu vào (chi phí trung gian)		X_j							
Tổng giá trị gia tăng		V_j							
Tổng chi phí (Total inputs)		X							

[a] Trưởng Phòng Tổng Hợp, Trung tâm nghiên cứu kinh tế miền Nam
[b] Giám đốc Trung tâm nghiên cứu kinh tế miền Nam, Viện Chiến lược phát triển – Bộ Kế hoạch và Đầu tư
[c] Sử dụng số liệu kinh tế vĩ mô năm 2007 để so sánh với bảng IO năm 2007 của Tp.HCM.
[d] Bảng IO Tp.HCM năm 2007 là bảng IO gần nhất đến thời điểm hiện nay.

Hai cân đối cung - cầu từ bảng IO:

$$\sum_{j=1}^{n} W_{ij}^{D} + F_i^{D} = X_i \qquad (i = 1,\ 2,\ \cdots\ ,n) \qquad (1)$$

Trong đó: $F^{DC} + F^{DI} + F^{DE} = F^{D}$

$$\sum_{i=1}^{n} W_{ij}^{M} + F_i^{M} = M_i \qquad (i = 1,\ 2,\ \cdots\ ,n) \qquad (2)$$

Trong đó: $F^{MC} + F^{MI} = F^{M}$ và $X_{ij}^{M} + F^{M} = M$

Ký hiệu D chỉ hàng hóa, dịch vụ sản xuất trong nước và M chỉ hàng hóa, dịch vụ được nhập khẩu từ nước ngoài.

W_{ij}^{D} : sản phẩm của ngành i được sử dụng làm đầu vào sản xuất cho ngành j (sản xuất trong nước);

F_i^{D} : sử dụng cuối cùng đối với sản phẩm i (sản xuất trong nước);

W_{ij}^{M} : nhập khẩu sản phẩm của ngành i để làm đầu vào sản xuất của ngành j;

F_i^{M} : sử dụng cuối cùng đối với sản phẩm i được nhập khẩu từ nước ngoài.

Viết dưới hình thức ma trận:

$A^{D} = [a_{ij}^{D}] \equiv [W_{ij}^{D} / X_j]$: ma trận hệ số chi phí trong nước;

$A^{M} = [a_{ij}^{M}] \equiv [W_{ij}^{M} / X_j]$: ma trận hệ số chi phí nhập khẩu;

F^{D} : vectơ cột về sử dụng cuối cùng đối với sản phẩm sản xuất trong nước;

F^{M} : vectơ cột về sử dụng cuối cùng đối với sản phẩm nhập khẩu;

M : vectơ cột về nhập khẩu (cho sử dụng trung gian và sử dụng cuối cùng). Khi đó, phương trình (1) và (2) có thể viết dưới dạng ma trận:

$$\left[A^{D} X\right] + \left[F^{D}\right] = \left[X\right] \qquad (3)$$

$$\left[A^{M} X\right] + \left[F^{M}\right] = \left[M\right] \qquad (4)$$

Từ phương trình (3), chúng ta suy ra:

$$\left[X\right] = \left[(I - A^{D})^{-1}\right]\left[F^{D}\right]$$

Hay

$$\left[\Delta X\right] = \left[(I - A^{D})^{-1}\right]\left[\Delta F^{D}\right] \qquad (5)$$

Với:

I : là ma trận đơn vị;

ΔX : là vectơ cột cho biết thay đổi về sản lượng đầu ra (sản xuất trong nước);

ΔF^D : là vectơ cột cho biết thay đổi của sử dụng cuối cùng về sản phẩm sản xuất trong nước (thay đổi tổng cầu trong nước);

Dùng phương trình (5) để xác định thay đổi sản lượng ΔX của nền kinh tế do tác động (thay đổi) của tổng cầu ΔF^D bao gồm tiêu dùng cuối cùng, tích lũy/đầu tư, xuất khẩu gây ra. Nếu thay đổi của tổng cầu chỉ do xuất khẩu gây ra (nghĩa là các thành phần khác của tổng cầu không thay đổi) thì tác động của xuất khẩu lên sản lượng của nền kinh tế là:

$$\Delta X = (I - A^D)^{-1} \Delta E \qquad (6)$$

Ngoài ra, chúng ta sử dụng các công thức (7), (8) và (9) để xác định tác động của xuất khẩu E lên giá trị gia tăng (VA) và nhập khẩu (M) của nền kinh tế.

$$[\Delta VA] = \left[A^{AV}\right][\Delta X] = \left[A^{AV}\right]\left[(I - A^D)^{-1}\right][\Delta E] \qquad (7)$$

$$[\Delta M] = \left[A^{M}\right][\Delta X] = \left[A^{M}\right]\left[(I - A^D)^{-1}\right][\Delta E] \qquad (8)$$

$[\Delta VA]$, $[\Delta M]$: là các vectơ cột cho biết thay đổi giá trị gia tăng, thay đổi nhập khẩu của nền kinh tế.

A^{VA} : là ma trận vuông có các phần tử đều bằng 0 ngoại trừ các phần tử nằm trên đường chéo (i=j), được định nghĩa bằng $\left[A^{VA}\right] = \begin{bmatrix} a_{11} & 0 & 0 \\ 0 & a_{ij(i=j)} & 0 \\ 0 & 0 & a_{nn} \end{bmatrix}$, $\left[a_{ij(i=j)}\right] = [VA_j / X_j]$

Chúng ta cũng dễ dàng chứng minh được tổng gia tăng giá trị gia tăng của toàn bộ nền kinh tế $\Sigma\Delta VA$ và gia tăng nhập khẩu của toàn bộ nền kinh tế $\Sigma\Delta M$ sẽ đúng bằng tổng gia tăng xuất khẩu $\Sigma\Delta E$ hay $\Sigma\Delta E = \Sigma\Delta VA + \Sigma\Delta M$ (9)

Từ (9) suy ra $\Sigma\Delta M = \Sigma\Delta E - \Sigma\Delta VA$ (10)

Cùng với (8), phương trình (10) là một cách tiếp cận khác để xác định tác động của xuất khẩu lên nhập khẩu của nền kinh tế. Ngoài ra, phương trình (10) cho thấy lợi ích từ việc thúc đẩy xuất khẩu sẽ bị "chia sẻ" cho nước ngoài (nước mà chúng ta nhập khẩu nguyên vật liệu cho sản xuất). Nếu $\Sigma\Delta VA < \Sigma\Delta M$ thì càng gia tăng xuất khẩu càng làm lợi cho nước ngoài; càng xuất khẩu thì càng tăng nhập khẩu.

2. Kinh tế Tp.HCM qua bảng IO năm 2007[e]

Bảng IO năm 2007 (loại nhập khẩu phi cạnh tranh, theo giá người sản xuất) của Tp.HCM có 55 ngành sản phẩm, gồm 5 ngành nông nghiệp, 35 ngành công nghiệp và 15 ngành dịch vụ. Tổng sản lượng (giá trị sản xuất) năm 2007 của toàn bộ nền kinh tế Tp.HCM là 600 ngàn tỷ

[e] Bảng IO Tp.HCM năm 2007 là bảng IO gần nhất đến thời điểm hiện nay.

đồng; tổng giá trị gia tăng năm 2007 đạt 205 ngàn tỷ đồng (trong đó thu nhập của người lao động là 104 ngàn tỷ, chiếm 50% tổng VA); tổng chi phí trung gian là 395 ngàn tỷ (bao gồm chi phí trung gian nhập khẩu là 114 ngàn tỷ, tương đương 29%). Tổng sử dụng cuối cùng (đối với hàng hóa sản xuất trên địa bàn Tp.HCM) là 474 ngàn tỷ đồng, trong đó xuất khẩu (ra nước ngoài) là 118 ngàn tỷ, chiếm 58% tổng giá trị gia tăng và xuất khẩu nội địa (đến các địa phương khác trong nước) là 187 ngàn tỷ đồng. Tổng giá trị nhập khẩu năm 2007 là 198 ngàn tỷ đồng, bao gồm nhập khẩu yếu tố đầu vào là 114 ngàn tỷ, nhập khẩu cho sử dụng cuối cùng là 84 ngàn tỷ (trong đó sử dụng cuối cùng trên địa bàn Tp.HCM là 32 ngàn tỷ, chuyển cho các địa phương khác là 52 ngàn tỷ). Một số mặt hàng nhập khẩu lớn như xăng dầu (26 ngàn tỷ), hóa chất (26 ngàn tỷ), nguyên phụ liệu sợi-dệt (21 ngàn tỷ), máy móc thiết bị (19 ngàn tỷ), sắt-thép-gang (14 ngàn tỷ), thuốc-hóa dược-dược liệu (5 ngàn tỷ), giấy-sản phẩm từ giấy (4,5 ngàn tỷ), chiếm hơn 60% tổng kim ngạch nhập khẩu của Tp.HCM.

Về xuất khẩu các hàng công nghiệp chế biến: 5 mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất trong năm 2007 là ngành may mặc (27 ngàn tỷ), ngành giày dép - da lông thú (19,8 ngàn tỷ), ngành sản xuất máy móc thiết bị (6 ngàn tỷ), ngành xay xát - sản xuất bột (5,4 ngàn tỷ), ngành chế biến thủy sản (5 ngàn tỷ). Kim ngạch xuất khẩu của 5 ngành trên chiếm 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của Tp.HCM năm 2007. Kế tiếp là các ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm từ cao su-plastic (3,2 ngàn tỷ), nguyên phụ liệu sợi-dệt (2,8 ngàn tỷ), hóa chất (1,3 ngàn tỷ), sắt-thép-gang (1,2 ngàn tỷ) và giấy-sản phẩm từ giấy (1 ngàn tỷ) chiếm gần 15% giá trị xuất khẩu. Như vậy sản phẩm công nghiệp xuất khẩu chủ lực của Tp.HCM thuộc nhóm ngành có hàm lượng lao động cao, chủ yếu là lao động giản đơn như dệt may, giày dép, sản phẩm da lông thú và nhóm ngành vừa có hàm lượng lao động cao vừa dùng nhiều nguyên liệu nông thuỷ sản như chế biến lương thực, thực phẩm các loại. Trong khi nhóm ngành có hàm lượng lao động lành nghề, có kỹ năng cao với nhiều trình độ khác nhau như sản phẩm điện tử dân dụng, máy móc thiết bị truyền thanh, truyền hình, truyền thông, linh kiện điện tử… hay những ngành có hàm lượng công nghệ cao như máy vi tính, xe hơi, máy công cụ, các linh kiện điện tử cao cấp… chủ yếu sản xuất để phục vụ cho thị trường nội địa (bảng 2.2), ngoại trừ sản phẩm đồ điện dân dụng, thiết bị chiếu sáng, thiết bị điện có giá trị xuất khẩu lớn hơn tiêu dùng nội địa.

Bảng 2.1: Các ngành công nghiệp xuất khẩu lớn của Tp.HCM năm 2007

Đơn vị: 1.000 tỷ tỷ đồng

STT	Mã ngành	X	E	ED	M	VA	L	IC	ICM	ICD	FD
1	17	25.472	27.139	162	4.479	7.036	5.082	3.611	2.218	1.393	28.559
2	18	2.939	19.790	-	4.137	724	522	2.434	2.090	344	20.127
3	34	6.164	6.083	6.077	18.795	1.096	681	2.744	1.884	860	13.800
4	11	2.872	5.448	-	594	199	79	4.729	240	4.489	12.060
5	8	6.305	5.002	138	580	1.610	490	2.340	330	2.010	6.523
6	25	30.396	3.229	16.382	3.437	4.652	2.522	10.531	1.183	9.348	21.048
7	16	16.418	2.810	4.036	20.967	3.163	1.550	23.283	14.119	9.164	7.254
8	23	26.250	1.311	5.715	25.790	2.513	1.241	37.549	19.089	18.460	7.790
9	28	7.855	1.178	2.914	13.943	1.882	1.759	30.661	11.879	18.782	4.441
10	20	8.128	1.046	1.165	4.489	1.699	603	11.116	3.683	7.433	2.672
11	Tổng 10 ngành	132.799	73.034	36.589	97.211	24.574	14.530	128.997	56.716	72.281	124.276
12	Cả nền kinh tế	600.095	118.468	186.532	197.581	205.322	103.943	394.772	114.331	280.442	473.972

STT	Mã ngành	X	E	ED	M	VA	L	IC	ICM	ICD	FD
13	Tỷ lệ dòng 11/dòng 12 (%)	22,1	61,6	19,6	49,4	12,0	14,0	32,7	49,6	25,8	26,2

X : sản lượng; E : xuất khẩu; ED : xuất khẩu nội địa; M : nhập khẩu; VA : giá trị gia tăng (giá trị tăng thêm); L : thu nhập của người lao động; IC : chi phí trung gian; ICM : chi phí trung gian nhập khẩu; ICD : chi phí trung gian trong nước ; FD : sử dụng cuối cùng đối với hàng hóa sản xuất trên địa bàn Tp.HCM.

Bảng 2.2: Thị phần trong nước – xuất khẩu của một số ngành công nghiệp

STT	Mã ngành	Tên ngành	TDND*	E	GO
1	30	Linh kiện điện tử; Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	311.451	94.119	1.662.760
2	31	Máy móc thiết bị truyền thanh, truyền hình, thiết bị truyền thông, SP điện tử dân dụng	8.341.077	7.536	10.051.443
3	32	Mô tơ máy phát điện, pin và acqui	7.374.684	140.708	15.251.941
4	33	Đồ điện dân dụng, thiết bị chiếu sáng và thiệt bị điện	471.378	823.282	2.010.578
5	36	Mô tô, xe máy và phương tiện vận tải khác	2.051.488	607.586	3.373.162

(*): TDND là tiêu dùng nội địa, bao gồm tiêu dùng cuối cùng và xuất khẩu nội địa; E là xuất khẩu; GO là giá trị sản lượng.

3. Kết quả phân tích tác động xuất khẩu lên giá trị gia tăng, nhập khẩu của Tp.HCM

Kết quả phân tích cho thấy khi Tp.HCM mở rộng xuất khẩu 5 mặt hàng công nghiệp: (1) may mặc, (2) giày dép, (3) sản phẩm từ cao su và plastic, (4) nguyên phụ liệu sợi và dệt và (5) hóa chất thì lợi ích kinh tế trong nước nhận được *nhỏ hơn* lợi ích nước ngoài nhận được. Đó là những ngành càng mở rộng xuất khẩu Tp.HCM càng tiêu tốn nhiều ngoại tệ hơn cho nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài. Có thể nói, nước ngoài hưởng lợi từ chính sách thúc đẩy xuất khẩu các mặt hàng công nghiệp chế biến của Tp.HCM. Chẳng hạn, gia tăng xuất khẩu hàng may mặc (mã ngành 17) thêm 100 đồng (ΔE_{17}=+100) đòi hỏi ngành may mặc phải mở rộng sản xuất, gia tăng sản lượng thêm 103,31 đồng (ΔX_{17}=+103,31), nhờ đó VA của ngành tăng thêm 28,54 đồng (ΔVA_{17}=28,54). Do sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các ngành trong nền kinh tế nên tổng sản lượng của nền kinh tế tăng thêm 158,71 đồng ($\sum\Delta X$=158,71), tổng VA tăng thêm 46,72 đồng ($\sum\Delta VA$=+46,72). Do sản xuất trong nước cũng phụ thuộc vào nguyên phụ liệu nhập từ nước ngoài nên tổng giá trị nhập khẩu của nền kinh tế tăng thêm 53,28 đồng ($\sum\Delta M$=+53,28). Như vậy, với mỗi 100 đồng xuất khẩu hàng may mặc, Tp.HCM nhận được 46,72 đồng trong khi nước ngoài nhận đến 53,28 đồng. Tương tự, tỷ lệ lợi ích trong nước - nước ngoài khi gia tăng 100 đồng xuất khẩu sản phẩm giày dép, da lông thú (mã ngành 18) là 38,55 - 61,45; xuất khẩu sản phẩm từ cao su và plastic (mã ngành 25) là 41,43 - 58,57; xuất khẩu nguyên phụ liệu sợi và dệt (mã ngành 16) là 37,27 - 62,73; xuất khẩu sản phẩm hóa chất (mã ngành 23) là 42,83 - 57,17 (so sánh cột 4 và cột 6 của bảng 3.1).

Bảng 3.1 Tác động từ gia tăng 100 đồng xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến

STT (1)	Mã ngành (2)	Tên ngành	ΔVA (3)	∑ΔVA (4)	ΔM (5)	∑ΔM (6)	r_D (%) (7)	ΔX (8)	∑ΔX (9)	∑ΔM/∑ΔX (%) (11)
1	17	Quần áo	28,54	46,72	5,27	53,28	47,6	103,31	158,72	33,6
2	18	Giày dép, da lông thú	26,41	38,55	44,10	61,45	57,1	107,26	146,17	42,0
3	34	Máy móc thiết bị (trừ thiết bị điện)	18,37	52,37	7,13	47,63	28,0	103,25	222,58	21,4
4	11	Xay xát và sản xuất bột	8,12	68,57	0,92	31,43	19,5	117,19	229,74	13,7
5	8	Chế biến thủy sản	32,56	68,92	4,52	31,08	19,6	127,54	227,78	13,6
6	25	SP từ cao su và plastic	18,05	41,43	2,27	58,57	36,0	117,97	204,21	28,7
7	16	Sợi và sản phẩm dệt	25,56	37,27	50,40	62,73	49,2	132,71	164,86	38,1
8	23	Hóa chất và các sản phẩm từ hóa chất	13,36	42,83	40,90	57,17	34,4	139,55	209,02	27,4
9	28	Sắt, thép, gang	38,35	55,00	37,99	45,00	32,4	160,07	193,93	23,2
10	20	Giấy và các sản phẩm từ giấy	32,05	53,95	26,41	46,05	29,1	153,30	212,46	21,7
Trung bình							*35,3*			*26,3*

Tỷ lệ phụ thuộc $r_D = \sum\Delta M/(\sum\Delta X-\sum\Delta VA)$

Phân tích tác động xuất khẩu cho thấy: sản xuất công nghiệp của Tp.HCM phụ thuộc khá lớn vào nhập khẩu yếu tố đầu vào từ nước ngoài, với tỷ lệ phụ thuộc r_D (tính bằng tỷ lệ giữa gia tăng chi phí nhập khẩu đầu vào so với gia tăng chi phí trung gian) bình quân là 35,3% (xem cột 7 bảng 4.1). Phụ thuộc lớn nhất ở ngành giày dép (57,1%), kế đến là các ngành sản xuất nguyên phụ liệu sợi-dệt (49,2%), may mặc (47,6%), sản xuất sản phẩm từ cao su-plastic (36,0%), công nghiệp hóa chất (34,4%).

Bảng 3.2 cũng cho thấy nhóm các ngành công nghiệp sản xuất Linh kiện điện tử-Máy vi tính-Thiết bị ngoại vi máy tính; Máy móc thiết bị truyền thanh-truyền hình-truyền thông-Sản phẩm điện tử dân dụng; Mô tơ máy phát điện-Pin và Ac qui; Đồ điện dân dụng-Thiết bị chiếu sáng và Thiệt bị điện; Ô tô và Xe có động cơ; Mô tô, Xe máy và phương tiện vận tải khác… có tỷ lệ phụ thuộc r_D từ 20% đến 35%, cao nhất là ngành sản xuất đồ điện dân dụng (34%) và thấp nhất là ngành sản xuất mô tơ máy phát điện, pin và acqui (21,1%).

Bảng 3.2 Tác động từ gia tăng 100 đồng xuất khẩu hàng công nghiệp chế biến

STT	Mã Ngành	Tên ngành	∑ΔVA	∑ΔM	∑ΔX	r_D (%)	∑ΔM/∑ΔX (%)
1	30	Linh kiện điện tử; Máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	60,07	39,93	187,84	31,3	21,3
2	31	Máy móc thiết bị truyền thanh, truyền hình, thiết bị truyền thông, điện tử dân dụng	51,19	48,81	217,94	29,3	22,4
3	32	Mô tơ máy phát điện, pin và acqui	52,73	47,27	276,29	21,1	17,1

4	33	Đồ điện dân dụng, thiết bị chiếu sáng và thiệt bị điện	51,20	48,80	194,84	34,0	25,0
5	36	Mô tô, xe máy và phương tiện vận tải khác	55,98	44,02	195,33	31,6	22,5

4. Một số vấn đề đặt ra cho phát triển công nghiệp xuất khẩu của Tp.HCM

Đến nay, Tp.HCM vẫn chủ yếu xuất khẩu các sản phẩm công nghiệp chế biến thâm dụng lao động và có giá trị gia tăng thấp như dệt may, giày dép, chế biến lương thực, chế biến thủy sản[f]… Trong hai ngành chủ lực là may mặc và giày dép, hiện nay Tp.HCM mới tập trung trong công đoạn gia công và chủ yếu dựa vào lao động giản đơn. Các giai đoạn cao hơn trong chuỗi giá trị hoàn toàn phụ thuộc nước ngoài. Ngoài ra, Tp.HCM rất thiếu các ngành công nghiệp phụ trợ như công nghiệp sản xuất nguyên phụ liệu sợi – dệt, hóa chất, cao su – plastic, linh phụ kiện điện, điện tử… Hiện nay các ngành này phụ thuộc quá lớn vào nhập khẩu nguyên phụ liệu từ nước ngoài. Như vậy, để phát triển công nghiệp theo hướng xuất khẩu Tp.HCM cần tăng đầu tư nghiên cứu phát triển (R&D) để tăng tỷ lệ nội địa hóa các công đoạn có giá trị gia tăng cao, vừa nâng cao giá trị quốc gia trong từng sản phẩm công nghiệp xuất khẩu, vừa thúc đẩy cải tiến để tăng cường năng lực cạnh tranh (hướng đến xuất khẩu được sản phẩm nguyên chiếc), từ đó quy mô sản xuất trong nước sẽ tăng nhanh (sản xuất đạt quy mô kinh tế), làm điều kiện cho phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ, tạo điều kiện để các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm công nghiệp phụ trợ mở rộng đầu tư.

[f] Tốc độ thay đổi công nghệ (dẫn đến thay đổi kết cấu chi phí, thay đổi nguyên phụ liêu đầu vào), cũng như tốc độ thay đổi tỷ lệ nội địa hóa ở các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo của cả nước nói chung và của Tp.HCM nói riêng là khá chậm (Chí Trung, 2012 và Thu Phương, 2013)… do đó, kết quả phân tích kết cấu chi phí (hệ số chi phí, hay hệ số công nghệ) từ bảng IO 2007 sẽ không ảnh hưởng lớn đến việc gợi ý các chính sách phát triển công nghiệp hướng đến xuất khẩu trong tương lai (trong điều kiện chưa có bảng IO gần đây hơn).

Tài liệu tham khảo:

1. Wassily Leontief. 1986. *Input-Output Economics* (Second Edition), Oxford university press.
2. Thijs Ten Raa.2005. *The Economics of Input-Output Analysis*. Cambridge University Press.
3. Chen Xikang. 2007. Academy of Mathematics and Systems Science, Chinese Academy of Sciences, Beijing, 100080. *Total Domestic Value Added and Total Imports Induced by China's Exports*.
4. Chí Trung (2012). *Công nghiệp hỗ trợ chờ "hỗ trợ"*. Báo Nhân dân online. http://www.nhandan.com.vn/kinhte/nhan-dinh/item/20015902-công-nghiệp-hỗ-trợ-chờ-"hỗ-trợ".html
5. Thu Phương (2013). *Tăng tỷ lệ nội địa hóa để thu hút nhà đầu tư Nhật Bản.* http://baocongthuong.com.vn/p0c211n31128/tang-ty-le-noi-dia-hoa-de-thu-hut-nha-dau-tu-nhat-ban.htm#.UdZBZDunrXV